

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04 tháng 4 năm 2019

V/v: “Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Linh và ông Hà Ngọc Lĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 12/2019/TB-TA, ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh Đào Hải A - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị Trương Thị T - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu 16, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Hoa N - Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Anh A có mặt; chị T vắng mặt; bà N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đào Hải A trình bày như sau:

Anh và chị Trương Thị T tự nguyện đăng ký kết ngày 20/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng với gia đình nhà anh tại khu 1 xã B, huyện P. Vợ chồng chung sống cho đến khoảng tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Trương Thị T thường xuyên đi chơi bờ qua đêm và có biểu hiện chơi cờ bạc, lô đề. Anh và gia đình đã nhiều lần nhắc nhở, góp ý nhưng chị T không sửa đổi dẫn đến cuộc sống vợ chồng

không hòa thuận hạnh phúc. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là khoảng tháng 7/2018, chị T đã tự bỏ nhà đi và vợ chồng anh cũng chính thức sống ly thân nhau từ khi đó cho đến nay. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, anh yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị T.

Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, đất nông nghiệp, công sức đóng góp anh và chị Trương Thị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là chị Trương Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bản tự khai và lời trình bày trong quá trình hòa giải thể hiện quan điểm như sau:

Chị T xác nhận về thời gian, thủ tục kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống đúng như anh Đào Hải A đã trình bày. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 7 - 8 tháng thì xảy ra mâu thuẫn và cho đến khoảng tháng 7/2018, vợ chồng xảy ra cãi nhau nên chị đã bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện T. Vợ chồng chị cũng chính thức sống ly thân nhau kể từ đó. Nay anh Đào Hải A xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết, chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, đất nông nghiệp không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, vì chị có công sức đóng góp cho gia đình chồng và đề nghị anh A thanh toán công sức và bồi thường tổn thương về tinh thần cho chị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Trần Thị Hoa N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai thể hiện quan điểm như sau:

Bà là mẹ đẻ của anh Đào Hải A. Sau khi anh A và chị Trương Thị T kết hôn có sống chung cùng gia đình bà, thực tế thì chị T làm dâu và sống cùng gia đình bà chỉ được vài tháng. Trong thời gian làm dâu, sống cùng gia đình bà, chị T có biểu hiện chơi bời cờ bạc, gia đình bà cũng đã góp ý, khuyên bảo nhưng chị T không sửa đổi khiến cho vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 7/2018, chị T đã tự đi khỏi gia đình bà và từ đó cho đến nay không quay trở lại gia đình bà nữa. Bà xác định trong thời gian chị T làm dâu sống chung cùng với gia đình bà, chị T không giúp đỡ cũng không có đóng góp được gì cho gia đình bà vì vậy chị T có yêu cầu công sức đóng góp bà không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Phiên tòa vắng mặt đương sự là chị Trương Thị T và bà Trần Thị Hoa N. Tuy nhiên, chị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt chị T, bà N là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân giữa anh Đào Hải A và chị Trương Thị T: Anh Đào Hải A và chị Trương Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa anh A với chị T là hợp pháp. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ mới chung sống được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng, không có sự tin tưởng nhau, cuộc sống chung không được hòa thuận hạnh phúc, vợ chồng lại không có biện pháp tích cực nào để cùng nhau giải quyết những bất đồng mâu thuẫn đã phát sinh dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và phải sống ly thân nhau từ nhiều tháng nay. Trong thời gian sống ly thân và kể cả trong quá trình hòa giải tại Tòa án, cả hai cũng không thực sự có thiện chí và cũng không có hành động thực tế, cụ thể nào để hàn gắn nới kéo hôn nhân. Và trên thực tế thì vợ chồng đã không còn sống chung, cũng không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau, không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung của gia đình, mâu thuẫn vợ chồng khó có khả năng hàn gắn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy xét yêu cầu được ly hôn của anh Đào Hải A là có căn cứ, việc ly hôn là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, đất nông nghiệp anh Đào Hải A và chị Trương Thị T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. Đối với yêu cầu của chị Trương Thị T về việc yêu cầu anh Đào Hải A thanh toán công sức và tổn thương về tinh thần: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có yêu cầu anh A thanh toán công sức và bồi thường tổn thương về tinh thần nhưng chị T lại không có yêu cầu về thanh toán và bồi thường cụ thể như thế nào, chị T cũng không có gì để chứng minh chị đã có những đóng góp gì cho gia đình anh A và bị tổn thương tinh thần như thế nào. Phía anh A và đại diện gia đình anh A cũng không chấp nhận yêu cầu này do vậy những yêu cầu này của chị T là không có căn cứ nên không thể chấp nhận.

[5]. Án phí: Nguyên đơn là anh Đào Hải A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho anh Đào Hải A được ly hôn với chị Trương Thị T.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung và đất nông nghiệp: Không có nên

không đặt ra giải quyết.

- Bác yêu cầu của chị Trương Thị T về việc yêu cầu anh Đào Hải A thanh toán công sức và bồi thường tổn thương tinh thần vì không có căn cứ.

- Về án phí: Anh Đào Hải A phải nộp 300.000.đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh A đã nộp 300.000.đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu số AA/2016/0001553 ngày 30/01/2019.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã B, h. P;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hồng Tuấn